

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHƯỚC  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **28/2021/DS-ST**

Ngày 16-12-2021

V/v v “tranh chấp hợp đồng  
bao tiêu nông sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thạch Hải Âu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Dũ.

2. Ông Võ Văn Bằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Minh Thành –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.**

Trong ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 96/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp “tranh chấp hợp đồng bao tiêu nông sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST-DS ngày ngày 16 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-DS ngày 30/11/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Trần Thanh P**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp MT, xã MTA, huyện C, Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* - Anh **Trương Văn R**, sinh năm 1977;

- Chị **Lê Thị P1**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp HT, xã TH, huyện T, Tiền Giang.

*(Anh P có mặt tại phiên tòa; Anh R, chị P1 vắng mặt không lý do dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại Đơn khởi kiện, Tờ tự khai cùng ngày 19/3/2021, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Thanh P trình bày:**

Vào ngày 22/6/2020, anh Trần Thanh P là chủ cơ sở thu mua sấy lúa nếp TP

(theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ gia đình số 53F8003065/HKD ngày 26/6/2009) và anh Trương Văn R, chị Lê Thị P1 có ký kết hợp đồng tiêu thụ lúa nếp. Theo đó, các bên thống nhất thỏa thuận bên anh P sẽ cung ứng lúa nếp giống và ứng trước một phần tiền mua lúa nếp cho anh R, chị P1. Sau vụ lúa hè thu năm 2020, khi lúa nếp đến thời điểm thu hoạch thì anh R, chị P1 sẽ báo cho anh P để thu mua toàn bộ lúa nếp trên diện tích 230 công đất mà anh R, chị P1 đang canh tác trồng lúa nếp.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh P đã giao cho anh R, chị P1 hai lần lúa nếp giống với số lượng 4.800Kg, cụ thể: Lần 01 giao 3.760 kg và lần 02 giao 1.040 kg nếp giống, thống nhất giá nếp giống là 13.500 đồng/kg, tổng cộng tiền nếp giống là 64.800.000 đồng. Anh P đã trực tiếp giao cho anh R, chị P1 một phần tiền ứng trước là 115.000.000 đồng để mua phân, thuốc chăm bón cho cây nếp.

Sau khi lúa nếp đến thời điểm thu hoạch, anh R, chị P1 không báo cho anh P biết để đến thu mua lúa nếp mà lại bán toàn bộ diện tích lúa nếp đang canh tác cho người khác và không trả lại tiền lúa nếp giống và tiền ứng trước cho anh. Anh P có nhiều lần đến gặp và yêu cầu anh R, chị P1 trả lại tiền thì anh R1, chị P1 xin trả dần và có làm cho anh P một giấy nhận nợ hẹn mỗi tháng sẽ trả cho anh P 5.000.000 đồng tiền vốn và lãi tiền lãi theo lãi suất ngân hàng, số tiền vốn còn nợ lại sau khi thu hoạch nếp Đông Xuân 2021 sẽ hoàn trả đầy đủ, giấy nhận do anh R, chị P1 cùng ký tên nhận nợ. Tuy nhiên, từ đó đến nay, anh R, chị P1 không thực hiện việc trả nợ cho anh P dù anh P đã nhiều lần yêu cầu trả nợ.

Nay anh Trần Thanh P yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Trương Văn R và chị Lê Thị P1 phải trả lại số tiền nợ là 179.800.000 đồng nợ gốc và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật, Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

\* Bị đơn anh Trương Văn R và chị Lê Thị P1 đã được Tòa án tổng đạt thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện, Tòa án đã triệu tập họp lệ hai lần để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh R, chị P1 vắng mặt hai lần không có lý do và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**\* Tại phiên tòa hôm nay:**

- Nguyên đơn anh Trần Thanh P yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Trương Văn R và chị Lê Thị P1 phải trả lại số tiền nợ là 179.800.000 đồng, không yêu cầu Tòa án tính lãi. Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn anh Trương Văn R và chị Lê Thị P1 vắng mặt không lý do dù được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phần tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn anh Trần Thanh P yêu cầu anh Trương Văn R và chị Lê Thị P1 trả lại số tiền nợ lúa nếp giống và tiền ứng trước là 179.800.000 đồng. Tại công văn số 178/CV-CAX của Công an xã TH, huyện TP, tỉnh Tiền Giang xác định anh R, chị P1 có nơi cư trú tại ấp HT, xã TH, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*tranh chấp hợp đồng bao tiêu nông sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Trương Văn R và chị Lê Thị P1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh R và chị P1.

[3]. *Về nội dung:* Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Thanh P yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Trương Văn R và chị Lê Thị P1 phải trả lại số tiền nợ là 179.800.000 đồng, không yêu cầu Tòa án tính lãi, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Qua xem xét, đánh giá chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng dân sự với nhau thông qua “Hợp đồng tiêu thụ nếp” ngày 22/6/2020. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh P đã giao cho anh R, chị P1 hai lần nếp giống với số lượng 4.800 kg, cụ thể: Lần 01 giao 3.760 kg và lần 02 giao 1.040 kg lúa nếp giống, thống nhất giá lúa nếp giống là 13.500 đồng/kg, tổng cộng tiền lúa nếp giống là 64.800.000 đồng. Anh P cũng đã trực tiếp giao cho anh R, chị P1 một phần tiền ứng trước là 115.000.000 đồng để mua phân, thuốc chăm bón cho cây lúa nếp. Sau khi lúa nếp đến thời điểm thu hoạch, anh R, chị P1 không báo cho anh P biết để đến thu mua lúa nếp mà lại bán toàn bộ diện tích lúa nếp đang canh tác cho người khác và không trả lại tiền lúa nếp giống và tiền ứng trước cho anh P. Anh P có nhiều lần đến gặp và yêu cầu anh R, chị P1 trả lại tiền thì anh R, chị P1 xin trả dần và có làm cho anh P một giấy nhận nợ hẹn mỗi tháng sẽ trả cho anh P 5.000.000 đồng tiền vốn và lãi tiền lãi theo lãi suất ngân hàng, số tiền vốn còn nợ lại sau khi thu hoạch nếp Đông Xuân 2021 sẽ hoàn trả đầy đủ, giấy nhận do anh R, chị P1 cùng ký tên nhận nợ. Tuy nhiên, từ đó đến nay, anh R, chị P1 không thực hiện việc trả nợ cho anh P.

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án “hợp đồng tiêu thụ nếp” ngày 22/6/2020, “Giấy nhận nợ” ngày 22/6/2020, nội dung các tài liệu này phù hợp với trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, anh P đã có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn trong vụ án là anh Trương Văn R và chị Lê Thị P1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt và cũng không có văn bản hay ý kiến

phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy bị đơn đã từ bỏ quyền của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hợp đồng tiêu thụ nếp giữa anh P và anh R, chị P1 là hợp đồng song vụ, theo lẽ, sau khi lúa nếp tới thời điểm thu hoạch thì anh R, chị P1 phải thông báo cho anh P biết để thực hiện việc gặt lúa nếp và thu mua, sau đó anh P sẽ thanh toán toàn bộ sản lượng lúa nếp thu hoạch được theo giá các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên, khi lúa nếp đến thời điểm thu hoạch, anh R, chị P1 lại bán toàn bộ diện tích lúa nếp cho người khác. Từ thời điểm này, hợp đồng dân sự giữa anh P và anh R, chị P1 đã chấm dứt do đối tượng của hợp đồng đã không còn theo quy định tại Khoản 5 Điều 422 Bộ luật Dân sự. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 427 Bộ luật Dân sự quy định hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng thì các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Sau nhiều lần yêu cầu anh R, chị P1 trả lại tiền lúa nếp giống và khoản tiền đã ứng trước thì anh R, chị P1 có làm giấy nhận nợ và cùng ký tên trong giấy đối với số tiền 179.800.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu, tuy nhiên từ đó đến nay, anh R, chị P1 vẫn không thực hiện việc trả nợ cho anh P là không phù hợp, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn được pháp luật dân sự bảo vệ.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Thanh P buộc bị đơn anh Trương Văn R và chị Lê Thị P trả lại số tiền nợ là 179.800.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 19/3/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Trần Thanh P yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Trương Văn R và chị Lê Thị P1 phải trả lại số tiền nợ là 179.800.000 đồng nợ gốc và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, anh P rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu anh R và chị P1 phải trả lại số tiền nợ là 179.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả ngay một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn đã tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi chậm thực hiện việc trả nợ.

[5]. Về thời gian trả nợ: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Thanh P yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Trương Văn R và chị Lê Thị P1 phải trả lại số tiền nợ là 179.800.000 đồng, không yêu cầu Tòa án tính lãi, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy anh R và chị P1 đã vi phạm hợp đồng dẫn đến hợp đồng bị chấm dứt, anh chị cũng đã vi phạm nghĩa vụ trả lại tiền lúa nếp giống và tiền ứng trước cho anh P theo quy định tại Điều 427 Bộ luật dân sự. Anh P đã nhiều lần yêu cầu anh R, chị P1 trả tiền nhưng anh R, chị P1 vẫn không trả mà kéo dài thời gian trả nợ, gây nhiều thiệt thòi về quyền lợi cho anh P. Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết buộc anh R, chị P1 phải có nghĩa vụ trả

cho anh P số tiền là 179.800.000 đồng theo thời gian yêu cầu của anh P là phù hợp.

[5]. *Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn anh Trần Thanh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn là anh Trương Văn R và chị Lê Thị P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. *Về quyền kháng cáo:* Anh Trần Thanh P, anh Trương Văn R và chị Lê Thị P1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Các Điều 147, 357, 385, 422, 427 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 186, 227, 244, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

#### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh P.**

Buộc anh Trương Văn R và chị Lê Thị P1 phải trả cho anh Trần Thanh P số tiền là **179.800.000 đồng** (*một trăm bảy mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng*). Thực hiện nghĩa vụ giao trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Trần Thanh P có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Trương Văn R và chị Lê Thị P1 chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357, điều 468 của Bộ luật dân sự, tại thời điểm thanh toán.

#### **2. Về án phí:**

- Anh Trương Văn R và chị Lê Thị P1 phải chịu 8.990.00 đồng (*Tám triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn trả cho anh Trần Thanh P số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.899.550 đồng (*Bốn triệu tám trăm chín mươi chín nghìn năm trăm năm*

*mười đồng)* theo biên lai thu số 21037 ngày 13/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

**3.** Về quyền kháng cáo: Anh Trần Thanh P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án; Anh Trương Văn R và chị Lê Thị P1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự:
  - + NĐ: P;
  - + BĐ: R, P1.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thạch Hải Âu**